TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày: 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Quốc Huy;
2. Bà Trần Thị Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 08/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/HSST-QĐ ngày 23/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/HSST-QĐ ngày 31/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Thị N**, sinh năm 1998 tại Đ, Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu dân cư K, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ T và bà Hoàng Thị N; có chồng là Bùi Văn D và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

- *Bị hại*: Vợ chồng bà Đinh Thị P, sinh năm 1961 và ông Bùi Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu dân cư K, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông Bùi Văn P ủy quyền cho bà Đinh Thị P trong quá trình giải quyết vụ án. *Bà P có mặt tại phiên tòa*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư K, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. *Có mặt tại phiên tòa*.

- *Người làm chứng*: Bà Hoàng Thị N, chị Bùi Thị N, ông Châu Việt B, ông Vũ Duy H. *Bà Hoàng Thị N có mặt; vắng mặt chị N, ông B, ông H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/6/2020, bà Đinh Thị P, sinh năm 1961 ở khu K, phường T, thị xã Kinh Môn đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn trình báo về việc gia đình bà bị mất trộm tài sản là số tiền 25.000.000đ và 02 cây vàng 9999 được để ở trong tủ gỗ tại phòng khách của gia đình.

Quá trình điều tra xác định: Hồ Thị N là con dâu và sinh sống cùng thửa đất của vợ chồng bà Đinh Thị P, ông Bùi Văn P. Quá trình chung sống, sinh hoạt Ngoan biết vợ chồng bà P để tài sản tích lũy tại ngăn tủ gỗ bên phải trong phòng khách và để chìa khóa tủ trong chiếc cốc màu xanh ở ngăn tủ kính nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản này. Khoảng 07 giờ ngày 14/6/2020, phát hiện nhà bà P không có ai ở nhà, cửa nhà không khóa, Hồ Thị N đã lẻn vào nhà bà P lấy chùm chìa khóa ở ngăn giữa rồi mở ngăn tủ gỗ bên phải để lấy tài sản. Khi mở tủ gỗ, lục tìm, N thấy có 01 túi nilon màu đen đựng vàng bên trong, N lấy túi nilon màu đen thì nhìn thấy phía trong sát rìa tủ có 01 ví giả da màu nâu đã cũ, kích thước 15cmx10cm bên trong có tiền và một số giấy tờ khác của bà Đinh Thị P. Ngoan lấy túi nilon màu đen và chiếc ví rồi khóa tủ lại, để chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi đi về nhà. Lúc này, N mở túi nilon màu đen ra kiểm tra thấy bên trong có 02 chiếc kiềng vàng 9999 mỗi chiếc trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc kiềng vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ (*Là số vàng Ngoan gửi bà P giữ hộ*), 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 04 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, 01 lắc tay vàng 9999 trọng lượng 03 chỉ, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 1.5 chỉ, 01 đôi hoa tai vàng 9999 trọng lượng 1.5 chỉ được đựng trong 01 hộp hình tròn màu đỏ; kiểm tra trong ví có 25.000.000 đồng. Sau đó N giấu số vàng và tiền trên vào trong tủ quần áo của vợ chồng N. Đến tối ngày 14/6/2020, chồng N là anh Bùi Văn D, sinh năm 1990 đi làm về, N đưa cho anh D 23.000.000 đồng không nói là tiền gì, anh D không hỏi gì và cầm tiền cất đi, số tiền 2.000.000 đồng còn lại N cất vào tủ quần áo cùng số vàng trên. Sáng ngày 17/6/2020, N đem toàn bộ số vàng trên đến cửa hàng vàng bạc ở M - Đ - Quảng Ninh bán được số tiền 88.100.000đ. N đã dùng số tiền bán vàng này để trả khoản nợ 10.000.000đ cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị N, bà N cho lại N 1.000.000 đồng. Sau đó N về nhà cất số tiền 79.100.000 vào tủ quần áo của vợ chồng. Sáng ngày 18/6/2020, N đem số tiền 81.100.000 đồng rủ chị Bùi Thị N, sinh năm 1987 ở khu dân cư T, phường M, thị xã Kinh Môn (là chị gái của anh D) đến cửa hàng xe máy H của ông Châu Việt B, sinh năm 1971 ở phường M, thị xã Kinh Môn mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH 125i màu đỏ-đen với giá 81.000.000 đồng, Ngoan trả trước 61.300.000 đồng rồi đi xe mô tô mới mua về nhà. Đến trưa ngày 18/6/2020, N đưa cho anh D 19.000.000 đồng bảo anh D cất đi, N không nói là tiền gì, anh D cũng không hỏi tiền gì và cầm tiền cất đi, còn lại 800.000 đồng N đã chi tiêu ăn uống hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 73 ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự-Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn kết luận trị giá 19 chỉ vàng 9999 tại thời điểm ngày 14/6/2020 là 90.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản N chiếm đoạt là 115.250.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 73/CT-VKSKM ngày 19/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Hồ Thị N về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS) với tài sản chiếm đoạt là 115.250.000đ (*Một trăm mười lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại phiên toà: Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Hồ Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị N từ 33 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của bị hại về việc tặng cho riêng anh Bùi Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sh125i.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ - đen, số khung 019506, số máy 0030437, biển số 34B4-565.56 cho anh Bùi Văn D.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; công nhận Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn về điều luật, tội danh đối với bị cáo là đúng. Bị cáo xác định do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo rất hối hận về hành vi của mình nên đã tác động mẹ đẻ và chồng giao nộp các tài sản trộm cắp cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ.

Bị hại - bà Đinh Thị P xác định tài sản bị chiếm đoạt gồm 25.000.000đ tiền mặt và 19 chỉ vàng 9999 và nhất trí với Kết luận định giá tài sản. Quá trình điều tra bà đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại số tiền 51.000.000đ; đối với chiếc xe mô tô Honda SH 125i màu đỏ-đen được mua với giá 81.000.000đ. Trong đó, bị cáo N đã sử dụng 61.300.000đ từ tiền bán vàng để tạm ứng mua xe, bà đã dùng tiền riêng của vợ chồng thanh toán số tiền mua xe còn lại và đã làm thủ tục đăng ký xe mang tên anh Bùi Văn D. Nay

vợ chồng bà thống nhất tự nguyện tặng cho riêng anh Bùi Văn D; số tiền bị chiếm đoạt còn lại bà cho bị cáo N, bà không yêu cầu gì về dân sự; về trách nhiệm hình sự: Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo N rất ân hận về việc làm của mình nên đã uống thuốc độc để tự tử nhưng được chồng phát hiện đưa đi cấp cứu kịp thời. Do bị cáo là con dâu trong nhà, còn trẻ, suy nghĩ bồng bột nên bà đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ dưới 1 tuổi.

Anh Bùi Văn D xác định khi bị cáo N đưa tiền cho anh để cất đi, anh chỉ nghĩ đó là tiền tiết kiệm của vợ mình, không biết là tiền phạm tội mà có. Sau khi sự việc được làm rõ, bị cáo N đã tác động anh mang chiếc xe Honda SH 125i và số tiền 42.000.000đ giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Chiếc xe này hiện đã được đăng ký mang tên anh. Nay bố mẹ đẻ tự nguyện tặng cho anh chiếc xe này, anh đồng ý.

Bà Hoàng Thị N xác định không biết nguồn gốc tiền bị cáo N trả do phạm tội mà có. Trong giai đoạn điều tra, do bị cáo N tác động nên bà N đã mang số tiền 9.000.000đ giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về các hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên toà cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ ngày 14/6/2020, tại nhà bà Đinh Thị P, sinh năm 1961 ở K, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, lợi dụng gia đình bà P đi vắng, cửa nhà không khóa, Hồ Thị N đã vào trong nhà mở khóa tủ gỗ trong phòng khách chiếm đoạt của gia đình bà P 25.000.000đ và 19 chỉ vàng 9999 trị giá 90.250.000đ, gồm: 02 chiếc kiềng vàng mỗi chiếc 03 chỉ, 01 chiếc kiềng vàng 02 chỉ, 01 dây chuyền vàng 04 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng 01 chỉ, 01 lắc tay vàng 03 chỉ, 01 nhẫn vàng 1.5 chỉ, 01 đôi hoa tai vàng 1.5 chỉ. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 115.250.000đ (*Một trăm mười lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn cố ý thực hiện; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 115.250.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 173 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải áp dụng loại hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự nào; sau khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, bị cáo đã tác động mẹ đẻ và chồng giao nộp tài sản chiếm đoạt cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 115.250.000đ, bị hại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn trả lại số tiền 51.000.000đ (*Năm mươi mốt triệu đồng*); sau khi bán vàng, Hồ Thị N đã sử dụng số tiền 61.300.000đ để trả tiền mua chiếc xe SH 125i màu đỏ-đen với giá 81.000.000đ. Bà Đinh Thị P đã dùng tiền của vợ chồng thanh toán số tiền mua xe còn lại và đã làm thủ tục đăng ký xe mang tên anh Bùi Văn D. Bị hại tự nguyện tặng cho riêng anh Bùi Văn D chiếc xe này. Căn cứ các điều 194, 221 Bộ luật dân sự, HĐXX chấp nhận việc tặng cho này và xác lập quyền sở hữu của anh Bùi Văn D đối với chiếc xe; đối với số tiền bị chiếm đoạt còn lại bị hại cho bị cáo N và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Trả lại anh Bùi Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ - đen, số khung 019506, số máy 0030437.

[10] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án này, anh Bùi Văn D, bà Hoàng Thị N, ông Châu Việt B, chị Bùi Thị N không biết nguồn gốc tiền N gửi, trả, mua xe do phạm tội mà có

nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn không xem xét, xử lý là phù hợp.

Đối với ông Vũ Duy H là chủ cửa hàng vàng bạc D, quá trình điều tra chưa xác định được việc ông H có mua vàng của bị cáo Ngoan hay không. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; các điều 194, 221 Bộ luật dân sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hồ Thị N 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/01/2021.

Giao bị cáo Hồ Thị N cho UBND phường Tân Dân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà Đinh Thị P và ông Bùi Văn Phương về việc tặng cho riêng anh Bùi Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ - đen. Xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ - đen, số khung 019506, số máy 0030437, biển số 34B4-565.56 thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Văn D.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Trả lại anh Bùi Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ - đen, số khung 019506, số máy 0030437.

(*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 30 tháng 11 năm 2020).*

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 6; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về… án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Hồ Thị N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan

đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THADS thị xã Kinh Môn;
- Hồ sơ nghiệp vụ công an thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn